TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST Ngày 06-3-2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 02/01/2020 và bản tự khai ngày 10/01/2020 anh H trình bày: Anh tự nguyện kết hôn với chị Nguyễn Thị H1 thời gian năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 16 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2019 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù anh và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Thực tế vợ chồng đã

sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; anh xin ly hôn chị H1.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Hồng Thái B, sinh ngày 02/8/2004 và Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 22/12/2009, hiện đang do cả hai vợ chồng anh nuôi dưỡng. Anh xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, nhất trí để chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi (trên cơ sở nguyện vọng của 02 con). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay cả hai vợ chồng đều có công việc và thu nhập kinh tế, có nơi ăn ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H1 trình bày tại bản tự khai ngày 14/01/2020: Thống nhất với anh H về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2019 do phong cách sống không phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nhưng chị xin đoàn tụ với anh H để nuôi dạy con chung. Nếu anh H kiên quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Hồng Thái B, sinh ngày 02/8/2004 và Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 22/12/2009, hiện đang do cả hai vợ chồng nuôi dưỡng. Chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, nhất trí để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu B đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi (trên cơ sở nguyện vọng của 02 con); không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay cả hai vợ chồng đều có công việc và thu nhập kinh tế, có nơi ăn ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị H1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H1 tự nguyện kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, không thống nhất trong làm ăn kinh tế. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù gia đình, thôn xóm đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Chị H1 cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay anh H xin ly hôn, chị H1 xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của hai bên thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài; Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

3. Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Hồng Thái B, sinh ngày 02/8/2004 và Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 22/12/2009, hiện đang do cả hai vợ chồng nuôi dưỡng. Anh H và chị H1 đều thống nhất giao cháu B cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị H1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu B và cháu N, cần chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Nguyễn Hồng Thái B, sinh ngày 02/8/2004 cho anh H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 22/12/2009 cho chị H1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H và chị H1 đều đủ điều kiện kinh tế và chỗ ở ổn định để nuôi con, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H tự nguyện kết hôn với chị H1 năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 16 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2019 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, không thống nhất trong làm ăn kinh tế. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Chị H1 cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay anh H xin ly hôn, còn chị H1 xin đoàn tụ. Nhưng qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại UBND xã Đ1 cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đầu năm 2019 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh H là có cơ sở chấp nhận; Nên xử cho anh H được ly hôn chị H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Hồng Thái B, sinh ngày 02/8/2004 và Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 22/12/2009, hiện đang do cả hai vợ chồng nuôi dưỡng. Nay anh chị đều thống nhất: Giao cháu B cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị H1 nuôi dưỡng đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi; cháu B có nguyện vọng được ở với anh H, cháu N có nguyện vọng được ở với chị H1; cần chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H và chị H1 đều đủ điều kiện kinh tế và chỗ ở ổn định để nuôi con, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng Thái B, sinh ngày 02/8/2004 cho anh H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 22/12/2009 cho chị H1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA.0008818 ngày 07 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ1;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền